

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 10 năm 2024



QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Bảo vệ dữ liệu cá nhân không chỉ là trách nhiệm pháp lý mà còn là yếu tố then chốt trong việc xây dựng niềm tin với khách hàng, đối tác và cộng đồng. Việc thực hiện quy trình bảo vệ dữ liệu cá nhân cần thực hiện nghiêm ngặt theo các quy định của **Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân** vừa thể hiện trách nhiệm xã hội vừa còn gia tăng uy tín và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Chuyên đề 1

QUY ĐỊNH

Về người có chức vụ thuộc 15 lĩnh vực TT&TT không được thành lập doanh nghiệp sau khi thôi chức

Chuyên đề 2

QUY ĐỊNH

Về chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp từ ngày 01/10/2024

Chuyên đề 3

QUY ĐỊNH

Về điểm mới của định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng

Chuyên đề 4

QUY ĐỊNH

Về việc khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng để ở

PHẦN 1

Quy trình thực hiện chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân

Bước 1. Xây dựng và công khai chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân

Mỗi doanh nghiệp cần bắt đầu từ việc xây dựng một chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân rõ ràng, phù hợp với hoạt động kinh doanh và các quy định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Chính sách này đóng vai trò quan trọng không chỉ trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng mà còn giúp doanh nghiệp củng cố uy tín và sự minh bạch.

Bước 2. Xây dựng chính sách bảo mật theo từng chương trình

Một chính sách bảo mật chung có thể không đủ để bao quát tất cả các trường hợp phát sinh. Doanh nghiệp cần xây dựng các chính sách bảo mật riêng biệt, tương thích với từng hoạt động, chương trình cụ thể. Điều này giúp tăng tính rõ ràng, khả năng thực thi, và đáp ứng từng yêu cầu cụ thể của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 13 Nghị định 13/2023/NĐ-CP, các yếu tố quan trọng trong chính sách bảo mật bao gồm:

(i) Mục đích thu thập thông tin cá nhân

Một trong những yêu cầu đầu tiên của chính sách bảo mật là cung cấp thông tin rõ ràng về mục đích thu thập dữ liệu cá nhân. Cá nhân phải được thông báo minh bạch về lý do thu thập dữ liệu. Đặc biệt, trong các hoạt động quảng cáo, doanh nghiệp cần mô tả chi tiết các phương thức, hình thức thực hiện, tần suất sử dụng, cũng như nội dung cụ thể của chiến dịch. Điều này không chỉ đảm bảo quyền lợi của khách hàng mà còn giúp doanh nghiệp xây dựng niềm tin từ phía người tiêu dùng.



(ii) Phạm vi sử dụng thông tin, hậu quả không mong muốn có thể xảy ra

Chính sách bảo mật cần nêu rõ thông tin cá nhân sẽ được sử dụng trong phạm vi nào. Doanh nghiệp có thể giới hạn phạm vi sử dụng trong nội bộ công ty hoặc mở rộng cho đối tác chiến lược và các hoạt động nghiên cứu thị trường. Đồng thời, chính sách cũng cần chỉ ra các rủi ro tiềm ẩn, chẳng hạn như nguy cơ rò rỉ thông tin hoặc sử dụng sai mục đích khi chia sẻ dữ liệu. Điều này không chỉ giúp khách hàng hiểu rõ hơn mà còn giúp doanh nghiệp giảm thiểu trách nhiệm pháp lý nếu xảy ra sự cố.

(iii) Thời gian lưu trữ và xử lý dữ liệu

Việc quản lý thời gian lưu trữ dữ liệu cá nhân cần được xác định rõ ràng trong chính sách. Theo quy định, các hoạt động liên quan đến dữ liệu cá nhân phải có thời gian bắt đầu và kết thúc cụ thể. Sau khi hết thời gian lưu trữ, doanh nghiệp phải đảm bảo xóa bỏ hoặc hủy dữ liệu nếu không còn cần thiết theo quy định tại Điều 16 Nghị định 13/2023/NĐ-CP.



(vi) Phương thức và công cụ để người tiêu dùng tiếp cận và chỉnh sửa dữ liệu cá nhân của mình trên hệ thống thương mại điện tử của đơn vị thu thập thông tin

Bên cạnh đó, theo khoản 3 Điều 11 Nghị định 13/2023/NĐ-CP, việc thu thập và sử dụng thông tin phải dựa trên sự đồng ý rõ ràng của người dùng, được thể hiện qua các hành động như đánh dấu vào ô đồng ý, gửi cú pháp xác nhận qua tin nhắn hoặc chọn các thiết lập kỹ thuật. Doanh nghiệp cũng cần thiết lập phương thức để cá nhân có thể rút lại sự đồng ý, đảm bảo quyền lợi của người dùng theo Điều 9 của Nghị định.

Ngoài ra, khi xử lý thông tin cá nhân của trẻ em, doanh nghiệp cần tuân thủ nghiêm ngặt khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Theo đó, việc cung cấp dữ liệu của trẻ từ 07 tuổi trở lên phải có sự đồng ý của cả trẻ và cha mẹ hoặc người giám hộ. Quy định này đảm bảo quyền lợi và an toàn cho đối tượng đặc biệt này, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn đối với trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc xử lý dữ liệu.



(iv) Đối tượng tiếp cận thông tin

Một chính sách bảo mật toàn diện cần làm rõ các nhóm đối tượng có quyền truy cập thông tin cá nhân. Điều này bao gồm nhân viên nội bộ, đối tác được ủy quyền hoặc các bên thứ ba có hợp đồng hợp tác với doanh nghiệp. Việc minh bạch danh mục đối tượng tiếp cận không chỉ giúp đảm bảo an toàn thông tin mà còn giảm thiểu nguy cơ lạm dụng hoặc truy cập trái phép.

(v) Địa chỉ của đơn vị thu thập và quản lý thông tin

Để tăng tính minh bạch, chính sách cần cung cấp đầy đủ thông tin liên hệ của đơn vị quản lý dữ liệu, bao gồm địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại, email, hoặc các phương thức hỗ trợ khác để khách hàng có thể tra cứu, khiếu nại hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu cá nhân.





Bước 3. Thu thập thông tin

Theo khoản 6 Điều 14 Nghị định 13/2023/NĐ-CP, thông tin cá nhân được thu thập phải được xác định rõ ràng, bao gồm các dữ liệu cơ bản như họ tên, ngày sinh, giới tính, số điện thoại, tình trạng hôn nhân, cùng các thông tin khác giúp nhận diện danh tính.

Khi tiếp nhận thông tin từ đối tác hoặc bên thứ ba, doanh nghiệp cần đảm bảo có hợp đồng hoặc thỏa thuận cụ thể liên quan đến xử lý dữ liệu nhằm tránh các tranh chấp phát sinh. Đối với thông tin nhạy cảm, cần áp dụng các biện pháp bảo mật cao hơn như mã hóa hoặc phân quyền truy cập hạn chế, đảm bảo rằng các rủi ro bị xâm phạm được kiểm soát hiệu quả.

Bước 4. Xử lý dữ liệu cá nhân

Sau khi thu thập, dữ liệu cá nhân sẽ trải qua quá trình xử lý với nhiều hoạt động khác nhau, từ việc phân tích, lưu trữ đến chia sẻ hay hủy bỏ.

(i) Xử lý: Theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định 13/2023/NĐ-CP, xử lý dữ liệu bao gồm các hoạt động như thu thập, ghi, phân tích, mã hóa, giải mã, và các hành động liên quan khác.

(ii) Trong trường hợp cá nhân được thu thập dữ liệu chưa biết và chưa đồng ý với toàn bộ các nội dung liên quan đến việc xử lý dữ liệu thì công ty cần thông báo việc xử lý dữ liệu cá nhân 01 lần cho chủ thể dữ liệu trước khi xử lý: loại dữ liệu, mục đích xử lý, cách thức xử lý, các nhân và tổ chức khác có liên quan đến việc xử lý, hậu quả không mong muốn có thể xảy ra; thời gian bắt đầu và kết thúc. Việc thông báo phải có định dạng có thể in, sao chép, kiểm chứng được.

(iii) Ghi lại và lưu trữ nhật ký hệ thống quá trình xử lý dữ liệu cá nhân.

(iv) Thực hiện các biện pháp tổ chức và kỹ thuật cùng các biện pháp an toàn, bảo mật phù hợp để chứng minh các hoạt động xử lý dữ liệu đã được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, rà soát và cập nhật các biện pháp này khi cần thiết.

(v) Trong trường hợp phát hiện vi phạm (xâm phạm) dữ liệu cá nhân, theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 13/2023/NĐ-CP, đơn vị xử lý dữ liệu phải báo cho Bộ Công An (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao) chậm nhất 72 giờ sau khi xảy ra hành vi vi phạm theo Mẫu số 03 tại Phụ lục của Nghị định này. Trường hợp thông báo sau 72 giờ thì phải kèm theo lý do thông báo chậm, muộn. Đồng thời, phải báo cho bên kiểm soát dữ liệu một cách nhanh nhất có thể để có biện pháp bảo vệ phù hợp.

Bước 5. Lập hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định

(i) Để đáp ứng yêu cầu kiểm tra của cơ quan quản lý và đảm bảo tính minh bạch, doanh nghiệp cần lập hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân ngay từ khi bắt đầu xử lý, theo khoản 1 Điều 24 Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Hồ sơ này phải được gửi cho Bộ Công an trong vòng 60 ngày kể từ ngày xử lý dữ liệu. Nội dung hồ sơ bao gồm:

- Thông tin và chi tiết liên lạc của Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân;
- Họ tên, chi tiết liên lạc của tổ chức được phân công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân và nhân viên bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên Kiểm soát dữ liệu cá nhân, Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân;
- Mục đích xử lý dữ liệu cá nhân;
- Các loại dữ liệu cá nhân được xử lý;
- Tổ chức, cá nhân nhận dữ liệu cá nhân, bao gồm tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam;
- Trường hợp chuyển dữ liệu cá nhân ra nước ngoài;
- Thời gian xử lý dữ liệu cá nhân; thời gian dự kiến để xóa, hủy dữ liệu cá nhân (nếu có);
- Mô tả về các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân được áp dụng;
- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc xử lý dữ liệu cá nhân; hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra, các biện pháp giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ, tác hại đó.

(ii) Trong trường hợp dữ liệu cá nhân được chuyển ra nước ngoài, doanh nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu bổ sung, bao gồm việc lập hồ sơ chi tiết về:



- Thông tin và chi tiết liên lạc của Bên chuyển dữ liệu và Bên tiếp nhận dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam;
- Họ tên, chi tiết liên lạc của tổ chức, cá nhân phụ trách của Bên chuyển dữ liệu có liên quan tới việc chuyển và tiếp nhận dữ liệu cá nhân của công dân Việt Nam;
- Mô tả và luận giải mục tiêu của các hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân của Công dân Việt Nam sau khi được chuyển ra nước ngoài;
- Mô tả và làm rõ loại dữ liệu cá nhân chuyển ra nước ngoài;
- Mô tả và nêu rõ sự tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Nghị định này, chi tiết các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân được áp dụng;
- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc xử lý dữ liệu cá nhân; hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra, các biện pháp giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ, tác hại đó;
- Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu theo quy định tại Điều 11 Nghị định này trên cơ sở biết rõ cơ chế phản hồi, khiếu nại khi có sự cố hoặc yêu cầu phát sinh;
- Có văn bản thể hiện sự ràng buộc, trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân chuyển và nhận dữ liệu cá nhân của Công dân Việt Nam về việc xử lý dữ liệu cá nhân.

TÓM LẠI



Bảo vệ dữ liệu cá nhân là thước đo quan trọng cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong thời đại số hóa. Việc tuân thủ chặt chẽ các quy định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro pháp lý, tạo dựng môi trường kinh doanh minh bạch, an toàn và đáng tin cậy. Quy trình bảo vệ dữ liệu cá nhân được triển khai hiệu quả, sẽ trở thành nền tảng giúp nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan và duy trì lợi thế cạnh tranh lâu dài. Trong bối cảnh công nghệ phát triển vượt bậc như hiện nay, đầu tư và công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân cần được coi là một chiến lược ưu tiên, góp phần giúp doanh nghiệp không chỉ thích nghi với những thách thức hiện tại mà còn sẵn sàng đón đầu các cơ hội mới trong tương lai.



PHẦN 2

Tóm tắt điểm mới nổi bật của một số văn bản có hiệu lực trong tháng



01

Người có chức vụ thuộc 15 lĩnh vực TT&TT không được thành lập doanh nghiệp sau khi thôi chức

Ngày 15/10/2024, Thông tư 09/2024/TT-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) ban hành sẽ chính thức có hiệu lực, đặt ra quy định về danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ TT&TT.

Theo đó, danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Bộ TT&TT mà người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực đó sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý, gồm:

(1) Báo chí; (2) Xuất bản, in và phát hành; (3) Phát thanh, truyền hình; (4) Thông tin điện tử; (5) Thông tin đối ngoại; (6) Thông tin cơ sở; (7) Bưu chính; (8) Viễn thông; (9) Tần số vô tuyến điện; (10) Công nghiệp công nghệ thông tin; (11) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; (12) An toàn thông tin mạng; (13) Giao dịch điện tử; (14) Quản lý doanh nghiệp nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông làm đại diện chủ sở hữu; (15) Chương trình, đề án, dự án thuộc các lĩnh vực, nhiệm vụ được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Điều 4 Thông tư 09/2024/TT-BTTTT do người thôi giữ chức vụ, quyền hạn khi đang là cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp nghiên cứu, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt.

Người có chức vụ thuộc 15 lĩnh vực TT&TT không được thành lập doanh nghiệp sau khi thôi chức

Bên cạnh đó, thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong lĩnh vực quy định thuộc phạm vi quản lý của Bộ TT&TT sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý được quy định như sau:

- Đối với người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý thuộc danh mục quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Điều 4 Thông tư 09/2024/TT-BTTTT là đủ 12 tháng kể từ ngày thôi quyền hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.



- Đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý thuộc danh mục quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Điều 4 Thông tư 09/2024/TT-BTTTT là đủ 24 tháng kể từ ngày thôi giữ chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp nghiên cứu, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt chương trình, đề án, dự án quy định tại khoản 15 Điều 4 Thông tư 09/2024/TT-BTTTT là thời hạn thực hiện xong chương trình, dự án, đề án.



Chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp từ ngày 01/10/2024

Vào ngày 15/8/2024, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký ban hành Thông tư số 14/2024/TT-BCT, quy định về chế độ báo cáo định kỳ liên quan đến cụm công nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên toàn quốc, cùng với một số mẫu văn bản phục vụ công tác quản lý và phát triển cụm công nghiệp. Thông tư này sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01/10/2024.

Theo đó, chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp được quy định cụ thể như sau:

a. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là Sở Công Thương);
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;
- Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.



b. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ

- Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng (đầu năm) được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo;
- Thời gian chốt số liệu báo cáo hằng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.



c. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

- Định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư trong cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư 14/2024, gửi cơ quan thống kê cấp huyện, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư 14/2024, gửi cơ quan thống kê cấp huyện, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Công Thương;
- Định kỳ trước ngày 25 tháng 6 và trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư 14/2024, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Công Thương;
- Định kỳ trước ngày 30 tháng 6 và trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Sở Công Thương báo cáo tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư 14/2024, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Công Thương (Cục Công Thương địa phương).

d. Phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ

- Báo cáo định kỳ được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, gửi qua dịch vụ bưu chính, gửi qua trực liên thông văn bản quốc gia, thư điện tử hoặc phương thức khác theo quy định của pháp luật.
- Trường hợp Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước đã được xây dựng và vận hành thì Sở Công Thương gửi báo cáo định kỳ tới Bộ Công Thương (Cục Công Thương địa phương) thông qua cập nhật dữ liệu, gửi báo cáo tại Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.



Điểm mới của định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng

Kể từ ngày 15/10/2024, Thông tư 09/2024/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 chính thức có hiệu lực.



Thông tư 09/2024/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng đã ban hành tại Thông tư 12/2021/TT-BXD, bao gồm:

- Định mức dự toán xây dựng công trình;
- Định mức dự toán lắp đặt máy và thiết bị công nghệ;
- Định mức dự toán sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng;
- Định mức sử dụng vật liệu xây dựng;
- Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

Bên cạnh đó, Thông tư 09/2024/TT-BXD cũng quy định rõ việc chuyển tiếp áp dụng định mức xây dựng sửa đổi, bổ sung ban hành tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 44 Nghị định 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Quy định việc khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng để ở



Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2024/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/10/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở (sau đây gọi là nhà, đất) giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác với mục đích: Cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất); Tạm quản lý trong thời gian chờ thực hiện xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật.

Nghị định yêu cầu việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất phải đảm bảo hiệu quả, giải quyết nhu cầu về nhà, đất phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; công khai, minh bạch, đúng pháp luật. Việc giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý, khai thác được thực hiện theo hình thức ghi tăng tài sản và giá trị tài sản không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà; tổ chức, cá nhân thuê nhà; cơ quan, tổ chức, đơn vị được bố trí nhà, đất sử dụng tạm thời thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định. Việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất phải được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán theo quy định của pháp luật; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Theo quy định, việc cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được thực hiện theo phương thức đấu giá, trừ các trường hợp thực hiện theo phương thức niêm yết giá.

PHẦN 3

Một số văn bản có hiệu lực trong tháng

STT	Tên văn bản	Ngày có hiệu lực
NGHỊ ĐỊNH		
1	Nghị định 110/2024/NĐ-CP về Công tác xã hội	15/10/2024
2	Nghị định 108/2024/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác	15/10/2024
3	Nghị định 114/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 151/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	30/10/2024
THÔNG TƯ		
4	Thông tư 14/2024/TT-BCT quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	01/10/2024
5	Thông tư 08/2024/TT-BTP hướng dẫn xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành	01/10/2024

6	Thông tư 02/2024/TT-VKSTC quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành	01/10/2024
7	Thông tư 30/2024/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 16/2021/TT-BGTVT quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư 03/2018/TT-BGTVT quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	01/10/2024
8	Thông tư 10/2024/TT-BNV bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành, liên tịch ban hành	01/10/2024
9	Thông tư 13/2024/TT-BCT về Quy định phân cấp và lập báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	01/10/2024
10	Thông tư 07/2024/TT-BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đèn chiếu sáng phía trước của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành	01/10/2024
11	Thông tư 06/2024/TT-BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc do Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành	01/10/2024

12	Thông tư 14/2023/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	01/10/2024
13	Thông tư 59/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư liên tịch 32/2000/TTLT-BTC-BVHTT hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với các cơ sở ngoài công lập hoạt động trong lĩnh vực văn hóa do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	05/10/2024
14	Thông tư 60/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 34/2021/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chuẩn bị và tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	05/10/2024
15	Thông tư 61/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 139/2017/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	05/10/2024
16	Thông tư 09/2024/TT-BGTVT sửa đổi 01:2024 QCVN 43:2012/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành	05/10/2024

17	Thông tư 13/2024/TT-BTNMT về Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, khảo sát hải văn, hóa học và môi trường vùng ven bờ và hải đảo do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	07/10/2024
18	Thông tư 13/2024/TT-BYT về Danh mục dược liệu độc làm thuốc do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	10/10/2024
19	Thông tư 10/2024/TT-BGDĐT quy định nội dung thi "Cờ thi đua của Đại học Quốc gia" do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	11/10/2024
20	Thông tư 09/2024/TT-BLĐTBXH hướng dẫn định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	15/10/2024
21	Thông tư 08/2024/TT-BXD quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	15/10/2024
22	Thông tư 09/2024/TT-BTTTT quy định danh mục các lĩnh vực và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	15/10/2024

23	Thông tư 09/2024/TT-BXD sửa đổi định mức xây dựng tại Thông tư 12/2021/TT-BXD do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành	15/10/2024
24	Thông tư 14/2024/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật về thăm dò và phân cấp trữ lượng, tài nguyên các mỏ cát biển do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	15/10/2024
25	Thông tư 07/2024/TT-BXD bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành	15/10/2024
26	Thông tư 63/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 101/2007/TT-BTC hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	15/10/2024
27	Thông tư 03/2024/TT-BKHHCN sửa đổi Thông tư 23/2013/TT-BKHHCN quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2019/TT-BKHHCN do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	15/10/2024
28	Thông tư 45/2024/TT-NHNN quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	16/10/2024

29	Thông tư 64/2024/TT-BTC sửa đổi Thông tư 28/2018/TT-BTC hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	18/10/2024
30	Thông tư 66/2024/TT-BTC quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	21/10/2024
31	Thông tư 44/2024/TT-NHNN sửa đổi Khoản 2 Điều 2 Thông tư 16/2019/TT-NHNN quy định về phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	23/10/2024
32	Thông tư 11/2024/TT-BNNPTNT quy định định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	24/10/2024
33	Thông tư 65/2024/TT-BTC sửa đổi Khoản 1 Điều 2 Thông tư 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	25/10/2024
34	Thông tư 14/2024/TT-BYT hướng dẫn phương pháp chế biến dược liệu và vị thuốc cổ truyền do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	28/10/2024



Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hi vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ info@luatsuhcm.com.

